

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 220/2026/HNGĐ-ST
Ngày 16 – 6 – 2026
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Thanh Bự

Bà Ngô Hồng Dưỡng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia – Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 16 tháng 6 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị C, sinh ngày 01/01/1985, số Căn cước: 096185017369, cấp ngày 13/01/2025. Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lục P, sinh ngày 01/01/1980, số Căn cước công dân: 096080012448, cấp ngày 14/8/2021. Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã T, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết án nguyên đơn bà Lâm Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Lục P chung sống với nhau vào năm 2004, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên có hòa giải nhưng không khắc phục được. Nay bà C xin ly hôn với ông P.

Về con chung: Ông bà có hai con chung tên Lục T, sinh ngày 26/3/2005 và Lục T1, sinh ngày 28/10/2006. Hiện nay hai con đã trưởng thành nên bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà C xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Lục P, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý về yêu cầu của bà C nhưng ông P không có ý kiến và từ chối nhận văn bản tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lâm Thị C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Lục P đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông K vắng mặt không lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà C và ông P chung sống năm 2009, nhưng không đăng ký kết hôn. Bà C xác định quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên có hòa giải nhưng ông bà không hàn gắn chung sống được, nên bà xin ly hôn với ông P; ông P không có ý kiến đối với yêu cầu của bà C. Xét yêu cầu ly hôn của đương sự thấy rằng, hôn nhân của bà C và ông P trên cơ sở tự nguyện, nhưng do ông, bà không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét việc cho ông, bà ly hôn mà tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Xét thấy hai con chung của ông bà hiện đã trưởng thành và bà C không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà C xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông P không có ý kiến do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà C phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lâm Thị C và ông Lục P.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lâm Thị C phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003991 ngày 08/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau; bà C đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Lâm Thị C và ông Lục P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 4 – Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Hiền